



### Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ - Năm Học 1 -1

Lớp: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học *Thương mại điện tử* (208439 )

CBGD

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ Và Tên          | Ng/Sinh  | Số Tờ | Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký        | Ghi Chú |
|-----|----------|--------------------|----------|-------|------|----------|---------------|---------|
| 1   | 11222003 | PHẠM BÌNH AN       | 30/03/93 |       |      |          |               | ✓       |
| 2   | 11222002 | VƯƠNG THÀNH AN     | 28/04/89 |       |      |          |               | ✓       |
| 3   | 11222004 | TRẦN THỊ LAN       | 10/06/88 |       | 6    | Sáu      | <i>Uah</i>    |         |
| 4   | 11223001 | NGUYỄN THỊ HỒNG    | 25/11/87 |       | 7    | Bảy      | <i>Jim</i>    |         |
| 5   | 11223003 | DƯƠNG THỊ          | 31/12/85 |       | 7    | Bảy      | <i>may</i>    |         |
| 6   | 11222006 | LÊ DIỄM            | 19/03/91 |       | 5    | Năm      | <i>Ch</i>     |         |
| 7   | 11222005 | VÕ CHÍ             | 20/12/86 |       | 6    | Sáu      | <i>ing</i>    |         |
| 8   | 11222007 | NGUYỄN THỊ HÀ      | 28/05/81 |       | 7    | Bảy      | <i>Hamm</i>   |         |
| 9   | 11222008 | LÊ LONG HƯƠNG      | 05/12/92 |       | 5    | Năm      | <i>W</i>      |         |
| 10  | 11222009 | NGUYỄN HOÀNG       | 23/07/85 |       | 5    | Năm      | <i>ng/luh</i> |         |
| 11  | 11222010 | TRẦN ĐÌNH NGUYỄN T | 12/08/82 |       | 6    | Sáu      | <i>nhu</i>    |         |
| 12  | 11222001 | LÊ QUANG           | 20/07/85 |       |      |          |               | ✓       |
| 13  | 11222014 | MAI XUÂN           | 02/07/88 |       |      |          |               | ✓       |
| 14  | 11222011 | ĐINH THỊ           | 02/02/93 |       | 6    | Sáu      | <i>Hay</i>    |         |
| 15  | 11222012 | LÊ NGỌC            | 09/05/89 |       |      |          |               | ✓       |
| 16  | 11223006 | ĐẶNG HIẾU          | 20/11/89 |       |      |          |               | ✓       |
| 17  | 11223008 | ĐINH THỊ           | 10/10/87 |       | 5    | Năm      | <i>h</i>      |         |
| 18  | 11223007 | NGUYỄN VĂN         | 02/09/92 |       | 5    | Năm      | <i>Hoàng</i>  |         |
| 19  | 11222015 | ĐÀO THỊ            | 10/06/90 |       |      |          |               | ✓       |
| 20  | 11222018 | NGUYỄN HỮU         | 20/11/87 |       |      |          |               | ✓       |
| 21  | 11223010 | NGUYỄN HUỖNH NHƯ   | 11/08/93 |       |      |          |               | ✓       |
| 22  | 11222019 | TRẦN THỊ BÍCH      | 03/04/82 |       |      |          |               | ✓       |
| 23  | 11222017 | NGUYỄN HỮU         | 20/05/83 |       |      |          |               | ✓       |
| 24  | 11222016 | PHAN TẤN           | 15/02/87 |       | 6    | Sáu      | <i>Vo</i>     |         |
| 25  | 11222013 | LÊ THỊ MAI         | 09/06/75 |       | 5    | Năm      | <i>Anh</i>    |         |
| 26  | 11223004 | PHẠM THỊ           | 02/12/93 |       | 6    | Sáu      | <i>th</i>     |         |
| 27  | 11222021 | PHẠM HOÀNG MINH    | 22/06/83 |       | 6    | Sáu      | <i>th</i>     |         |
| 28  | 11222020 | NGUYỄN BÁ          | 22/09/89 |       | 6    | Sáu      | <i>BH</i>     |         |
| 29  | 11222022 | VÕ BÉ              | 08/05/85 |       | 8    | Tám      | <i>kin</i>    |         |
| 30  | 11223012 | TRƯƠNG THỊ CHÂU    | 06/02/88 |       | 6    | Sáu      | <i>Chau</i>   |         |
| 31  | 11223011 | HỒ QUỐC            | 10/06/86 |       |      |          |               | ✓       |
| 32  | 11222023 | LÊ PHÚC            | 26/08/83 |       | 7    | Bảy      | <i>mm</i>     |         |
| 33  | 11222024 | BÙI QUANG          | 07/09/80 |       | 5    | Năm      | <i>mm</i>     |         |
| 34  | 11222026 | PHẠM THỊ           | 17/02/86 |       | 5    | Năm      | <i>lo</i>     |         |

*Trần Nữ Kiều*

# Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học: Thương mại điện tử (208439)

CBGD

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ Và Tên              | Ng/Sinh  | Số Tờ | Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký | Ghi Chú |
|-----|----------|------------------------|----------|-------|------|----------|--------|---------|
| 35  | 11222028 | TRƯƠNG THỊ LIÊU        | 24/09/86 |       |      |          |        | ✓       |
| 36  | 11222027 | LÊ VĂN LINH            | 04/11/88 |       | 6    | Sáu      | 2h     | ✓       |
| 37  | 11222030 | LÊ THỊ PHỤNG           | 13/08/74 |       |      |          |        | ✓       |
| 38  | 11222029 | TRẦN HOÀNG NGỌC        | 01/12/89 |       |      |          |        | ✓       |
| 39  | 11222031 | PHO PHI LONG           | 18/01/79 |       | 5    | Năm      | phong  | ✓       |
| 40  | 11222025 | TRẦN XUÂN LỘC          | 27/09/88 |       | 5    | Năm      | luc    | ✓       |
| 41  | 11222033 | NGUYỄN VÕ KIM NGÂN     | 17/09/82 |       |      |          |        | ✓       |
| 42  | 11223017 | PHẠM THỊ HOÀI NGHIÊM   | 15/12/82 |       | 6    | Sáu      | hoai   | ✓       |
| 43  | 11223015 | HUỖNH THỊ NGỌC         | 01/05/92 |       | 5    | Năm      | hoc    | ✓       |
| 44  | 11222032 | NGUYỄN VĂN NGÔ         | 02/09/87 |       |      |          |        | ✓       |
| 45  | 11222034 | HÀ VĂN NGUYỄN          | 07/02/76 |       | 6    | Sáu      | huy    | ✓       |
| 46  | 11222035 | TRƯƠNG VĂN NGUYỄN      | 01/01/92 |       |      |          |        | ✓       |
| 47  | 11223018 | CAO THỊ NHÂM           | 07/03/81 |       |      |          |        | ✓       |
| 48  | 11222036 | TRƯƠNG THỊ THANH NHIÊN | 03/11/80 |       | 5    | Năm      | thanh  | ✓       |
| 49  | 11222037 | ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG    | 01/11/89 |       | 6    | Sáu      | hong   | ✓       |
| 50  | 11222038 | ĐẶNG BÍCH PHƯƠNG       | 26/12/88 |       | 6    | Sáu      | bich   | ✓       |
| 51  | 11222040 | LÊ DUY PHƯƠNG          | 08/11/89 |       |      |          |        | ✓       |
| 52  | 11223020 | NGUYỄN THỊ YẾN PHƯƠNG  | 03/01/93 |       | 6    | Sáu      | yen    | ✓       |
| 53  | 11222039 | TRẦN THÀNH PHƯƠNG      | 05/08/88 |       | 6    | Sáu      | thanh  | ✓       |
| 54  | 11222041 | TRẦN THỊ TRÚC PHƯƠNG   | 25/05/87 |       |      |          |        | ✓       |
| 55  | 11222061 | ĐỖ KIM PHƯƠNG          | 25/10/83 |       |      |          |        | ✓       |
| 56  | 11222042 | NGUYỄN HỒNG SƠN        | 08/11/76 |       |      |          |        | ✓       |
| 57  | 11222043 | PHAN CHÍ TÂM           | 10/05/84 |       | 5    | Năm      | chi    | ✓       |
| 58  | 11222044 | NGUYỄN VĂN TÂY         | 24/11/85 |       |      |          |        | ✓       |
| 59  | 11223023 | NGUYỄN THỊ THANH TẾ    | 02/10/90 |       | 5    | Năm      | thanh  | ✓       |
| 60  | 11222050 | NGUYỄN TẤN THANH       | 28/01/80 |       |      |          |        | ✓       |
| 61  | 11222046 | DƯƠNG MINH THÀNH       | 01/06/86 |       | 7    | Bảy      | minh   | ✓       |
| 62  | 11222045 | ĐẶNG NGỌC THÀNH        | 11/09/85 |       | 5    | Năm      | thanh  | ✓       |
| 63  | 11222047 | NGUYỄN ĐỨC THÀNH       | 15/08/83 |       | 7    | Bảy      | duc    | ✓       |
| 64  | 11222048 | TRẦN CÔNG THÀNH        | 08/10/76 |       | 6    | Sáu      | cong   | ✓       |
| 65  | 11222049 | NGUYỄN THỊ THẢO        | 25/08/89 |       | 6    | Sáu      | thao   | ✓       |
| 66  | 11222051 | NGUYỄN NGỌC THIÊM      | 12/11/83 |       | 7    | Bảy      | thien  | ✓       |
| 67  | 11223021 | VÕ THỊ HỒNG THƠ        | 1 / 92   |       | 5    | Năm      | tho    | ✓       |
| 68  | 11222052 | TRẦN NGỌC THUẬN        | 25/06/87 |       |      |          |        | ✓       |
| 69  | 11223022 | NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY   | 22/12/93 |       | 5    | Năm      | thuy   | ✓       |
| 70  | 11222054 | ĐỖ VĂN TIẾN            | 21/11/85 |       |      |          |        | ✓       |

Trần Minh Hằng

## Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học: Thương mại điện tử (208499 )

CBGD

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ Và Tên      |        | Ng/Sinh  | Số Tờ | Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký | Ghi Chú |
|-----|----------|----------------|--------|----------|-------|------|----------|--------|---------|
| 71  | 11222055 | TRẦN VĂN       | TIẾN   | 23/05/86 |       | 6    | Sáu      | Tiến   | 1       |
| 72  | 11222056 | HUỖNH PHAN ÁNH | TRANG  | 23/03/93 |       | 6    | Sáu      | Trang  |         |
| 73  | 11223024 | LƯU THỊ HUYỀN  | TRÂN   | 12/02/83 |       | 6    | Sáu      | Trần   |         |
| 74  | 11223025 | PHAN THỊ HUYỀN | TRÂN   | 08/04/92 |       | 6    | Sáu      | Trần   |         |
| 75  | 11222058 | NGUYỄN VĂN     | TRỌNG  | 21/04/90 |       |      |          |        | ✓       |
| 76  | 11222057 | PHẠM MINH      | TRỌNG  | 19/08/80 |       |      |          |        | ✓       |
| 77  | 11223026 | ĐOÀN NHẬT      | TRƯỜNG | 24/11/93 |       | 5    | Năm      | Đoàn   |         |
| 78  | 11223027 | NGUYỄN VĂN     | TUẤN   | 15/02/92 |       |      |          |        | ✓       |
| 79  | 11222053 | PHAN VĂN       | TƯỢNG  | 02/08/82 |       |      |          |        | ✓       |
| 80  | 11223030 | ĐỖ THỊ THÚY    | VÂN    | 16/04/89 |       | 6    | Sáu      | Thúy   |         |
| 81  | 11223031 | TRƯƠNG THỊ MỸ  | VÂN    | 04/11/86 |       | 6    | Sáu      | Mỹ     |         |
| 82  | 11222059 | VŨ QUANG       | VỸ     | 20/09/91 |       |      |          |        | ✓       |
| 83  | 11222060 | VĂN CÔNG       | Ý      | 03/11/88 |       | 7    | Bảy      | Văn    |         |

In Ngày 03/05/13

Số bài: 51  
Số tờ: 53

Ngày 20 Tháng 4 Năm 2014

Cán Bộ Coi Thi 1 N.T. Dung

Cán Bộ Coi Thi 2 U. NGUYỄN MINH THANH

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bog

Trần Minh Kien